

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2010	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 28 tháng 06 năm 2010.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương được gọi là Công ty mẹ, trực tiếp thực hiện các hoạt động kinh doanh và đầu tư vốn theo hình thức sở hữu trong vốn điều lệ của các doanh nghiệp khác, gồm có:

- **Công ty con:** là các công ty do Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, bao gồm 1 công ty:

Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)

Địa chỉ: A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 90,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 90,00%

- **Công ty liên doanh:** là các công ty được thành lập do thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Công ty với các công ty khác để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh, bao gồm 1 công ty:

Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)

Địa chỉ: Số 33 Bis, Đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 50,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- **Công ty liên kết:** là các công ty do Công ty nắm giữ trực tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, bao gồm 5 công ty:
 - + **Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)**
Địa chỉ: Số 51, Đường Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 30,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 30,00%
 - + **Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA Express)**
Địa chỉ: A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 40,00%
 - + **Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)**
Địa chỉ: Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,28%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29,28%
 - + **Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)**
Địa chỉ: Số 2, Đường Bích Câu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 22,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 22,00%
 - + **Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)**
Địa chỉ: Số 18, Đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 39,00%

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Sản xuất bao bì bằng giấy (không sản xuất bột giấy; tái chế phế thải tại trụ sở);
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn, bán lẻ sách, báo và tạp chí có nội dung được phép lưu hành;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dạy nghề.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đỗ Xuân Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bích Lân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phan Minh Hoàng	Trưởng ban
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Bích Lân	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

4. Tình hình kinh doanh hợp nhất năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh hợp nhất năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

6. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn.

7. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2011



NGUYỄN BÍCH LÂN

Số: 11.160/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Kính gửi: Các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 06 đến trang 30 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2011

**TẶNG QUỐC THẮNG**
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV**KIỂM TOÁN VIÊN****NGÔ THANH BÌNH**
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		152.059.962.965	91.173.497.326
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	56.694.193.307	26.501.717.976
1. Tiền	111		33.150.110.178	26.501.717.976
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.544.083.129	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.879.108.000	14.891.030.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	(5.2)	8.879.108.000	14.891.030.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	59.818.904.968	36.686.746.742
1. Phải thu khách hàng	131		59.948.489.809	36.605.979.366
2. Trả trước cho người bán	132		134.789.694	213.646.203
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1.336.770.139	509.941.583
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.601.144.674)	(642.820.410)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.667.756.690	13.094.002.608
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		629.190.238	268.943.493
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		114.415.358	39.781.400
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.700.683.831	353.028.917
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	24.223.467.263	12.432.248.798

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76.992.335.377	55.613.061.693
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		5.334.027.771	4.769.848.319
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	5.269.163.007	4.755.095.820
+ Nguyên giá	222		11.719.101.009	10.195.696.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.449.938.002)	(5.440.600.180)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		64.864.764	14.752.499
+ Nguyên giá	228		87.672.720	19.670.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.807.956)	(4.917.501)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.6)	66.660.352.385	50.104.296.171
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		50.478.467.058	42.453.949.786
3. Đầu tư dài hạn khác	258		16.581.885.327	7.693.485.327
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(400.000.000)	(43.138.942)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.997.955.221	738.917.203
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		684.613.959	383.044.281
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.7)	4.313.341.262	355.872.922
VI. Lợi thế thương mại	269	(5.8)		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		229.052.298.342	146.786.559.019

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		97.057.721.255	54.719.899.910
I. Nợ ngắn hạn	310		90.817.062.846	50.884.850.730
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	48.992.114.625	22.411.403.085
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.9)	15.910.081.533	19.264.765.265
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.10)	13.345.231.362	1.556.398.793
5. Phải trả người lao động	315		2.424.706.116	1.819.177.027
6. Chi phí phải trả	316	(5.11)	3.246.391.609	286.521.691
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.12)	3.153.177.563	1.884.308.789
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.13)	3.745.360.038	3.662.276.080
II. Nợ dài hạn	330		6.240.658.409	3.835.049.180
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.14)	5.796.418.216	3.595.991.420
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		248.377.826	239.057.760
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		195.862.367	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.636.508.880	89.928.997.720
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.15.1)	126.636.508.880	89.928.997.720
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.15.2)	56.000.000.000	56.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.634.566.400	2.634.566.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.023.359.698	513.312.022
4. Cổ phiếu quỹ	414		(155.000.000)	(155.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.448.552.240	910.273.644
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.874.954.185	1.285.256.732
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		142.604.845	520.285.154
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		557.635.192	268.004.869
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.15.6)	62.109.836.320	27.952.298.899
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	(5.16)	5.358.068.207	2.137.661.389
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		229.052.298.342	146.786.559.019

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ			
+ USD		1.549.419,94	1.320.854,39
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		775.485.218.216	287.583.464.390
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		311.478.200	3.724.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	775.173.740.016	287.579.739.890
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	706.716.471.427	271.965.879.122
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.457.268.589	15.613.860.768
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	19.513.781.736	13.038.958.598
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	12.502.065.078	6.133.456.725
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		15.000.000	
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	14.683.717.419	8.933.142.100
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.785.267.828	13.586.220.541
11. Thu nhập khác	31		54.172.850	112.432.233
12. Chi phí khác	32			55.638.106
13. Lợi nhuận khác	40		54.172.850	56.794.127
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		6.859.269.031	3.115.057.729
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		67.698.709.709	16.758.072.397
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		13.487.975.554	1.407.409.855
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			17.760.789
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54.210.734.155	15.332.901.753
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		3.857.545.973	366.380.984
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		50.353.188.182	14.966.520.769
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của Công ty mẹ	70	(5.15.5)	9.017	2.680

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2011



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		67.698.709.709	16.758.072.397
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.232.254.067	955.862.800
Các khoản dự phòng	03		1.315.185.322	286.560.005
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(3.291.030.574)	(1.568.641.620)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.089.169.673)	(7.754.490.262)
Chi phí lãi vay	06		15.000.000	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		53.880.948.851	8.677.363.320
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.911.320.536)	484.795.604
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		24.895.841.946	7.137.642.251
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(661.816.423)	612.701.972
Tiền lãi vay đã trả	13		(15.000.000)	
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.093.078.230)	(352.684.174)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		8.415.634.180	15.126.842.144
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(25.832.816.554)	(22.254.894.434)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		37.678.393.234	9.431.766.683
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.129.433.519)	(2.421.499.258)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			57.741.057
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(21.518.352.500)	(25.853.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.292.000.000	12.901.160.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(1.532.412.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		400.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.180.930.642	4.637.629.582
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.225.144.623	(12.210.380.619)

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.500.000.000	1.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.500.000.000)	(1.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.279.254.500)	(5.088.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.279.254.500)	(5.088.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		29.624.283.357	(7.866.963.936)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26.501.717.976	34.069.699.367
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		568.191.974	298.982.545
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		56.694.193.307	26.501.717.976

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2011



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2008.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 28 tháng 06 năm 2010.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện...;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Sản xuất bao bì bằng giấy (không sản xuất bột giấy; tái chế phế thải tại trụ sở);
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn, bán lẻ sách, báo và tạp chí có nội dung được phép lưu hành;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dạy nghề.

1.3. Danh sách các công ty đã được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất

- **Công ty mẹ:**

- **Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương**

- Địa chỉ: A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Công ty con:** là các công ty do Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, bao gồm 1 công ty:

- **Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)**

- Địa chỉ: A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 90,00%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 90,00%

- **Công ty liên doanh:** là các công ty được thành lập do thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Công ty với các công ty khác để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh, bao gồm 1 công ty:

- **Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)**

- Địa chỉ: Số 33 Bis, Đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 50,00%

- **Công ty liên kết:** là các công ty do Công ty nắm giữ trực tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, bao gồm 5 công ty:

- **+ Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)**

- Địa chỉ: Số 51, Đường Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 30,00%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 30,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

+ Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA Express)

Địa chỉ: A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 40,00%

+ Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Địa chỉ: Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,28%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29,28%

+ Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)

Địa chỉ: Số 2, Đường Bích Câu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 22,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 22,00%

+ Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)

Địa chỉ: Số 18, Đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 39,00%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tài Ngoại Thương, báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 1 năm.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hạch toán trong kỳ, riêng các khoản mục phi tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

▪ Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

▪ Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

▪ Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
+ Máy móc, thiết bị	03 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
+ Phần mềm vi tính	03 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu, ngoại trừ khoản đầu tư vào Tạp Chí Vietnam Logistics Review được ghi nhận theo giá gốc, do khoản đầu tư này dự kiến sẽ được thanh lý trong tương lai gần (dưới 12 tháng).
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được lập vào cuối năm tài chính theo quy định. Công ty mẹ trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp. Công ty con trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định của Luật Lao động Việt Nam.

4.9. Lương

Căn cứ theo quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Trong năm 2010, Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 179/HĐQT/2010, ngày 17 tháng 04 năm 2010.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Tập đoàn ghi nhận doanh thu trong kỳ dựa trên hóa đơn tài chính được phát hành.

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Theo Thông tư 128/2003/TT-BTC, ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính, Công ty được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2002) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Thuế suất ưu đãi là 20% trong 10 năm, kể từ khi cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2002).

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.14. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính này, cụ thể như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích)

	Đầu năm	Đầu năm
	(Phân loại lại)	(Đã được trình bày trước đây)
A. Nợ phải trả		
I. Nợ ngắn hạn		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.662.276.080	-
B. Vốn chủ sở hữu		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	3.662.276.080

(Phần tiếp theo ở trang 20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.242.234.859	2.628.142.210
Tiền gửi ngân hàng	30.907.875.319	23.873.575.766
Các khoản tương đương tiền	<u>23.544.083.129</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>56.694.193.307</u>	<u>26.501.717.976</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng. Trong đó, khoản tiền gửi đang được cầm cố tại ngân hàng là 2.076.000.000 đồng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, tương đương 469.000 USD.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	59.948.489.809	36.605.979.366
Trả trước cho người bán	134.789.694	213.646.203
Các khoản phải thu khác	<u>1.336.770.139</u>	<u>509.941.583</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	<u>61.420.049.642</u>	<u>37.329.567.152</u>
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	<u>(1.601.144.674)</u>	<u>(642.820.410)</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>59.818.904.968</u>	<u>36.686.746.742</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Các khoản phải thu khác có chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu thuế nhà thầu của các hãng hàng không	276.332.231	290.750.477
Phải thu về khoản cho Tạp Chí Vietnam Logistics Review vay	-	200.000.000
Phải thu về khoản cho Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na vay	372.352.500	-
Phải thu về khoản chi hộ phí làm hàng cho Neptune Air Cargo	637.408.113	-
Khác	<u>50.677.295</u>	<u>19.191.106</u>
Cộng	<u>1.336.770.139</u>	<u>509.941.583</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ ngắn hạn	23.514.353.250	11.445.865.900
Tạm ứng cho nhân viên	<u>709.114.013</u>	<u>986.382.898</u>
Tổng cộng	<u>24.223.467.263</u>	<u>12.432.248.798</u>

Khoản ký quỹ ngắn hạn bao gồm các khoản đảm bảo thanh toán cho các hãng hàng không, thẻ Master Card và thẻ taxi.

5.5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.337.273.150	30.070.091	3.786.093.177	3.042.259.582	10.195.696.000
Mua trong năm	-	-	-	1.728.430.799	1.728.430.799
Thanh lý trong năm	-	-	-	(205.025.790)	(205.025.790)
Số dư cuối năm	<u>3.337.273.150</u>	<u>30.070.091</u>	<u>3.786.093.177</u>	<u>4.565.664.591</u>	<u>11.719.101.009</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.778.017.539	30.070.091	1.607.832.285	2.024.680.265	5.440.600.180
Khấu hao trong năm	227.547.552	-	343.474.712	643.341.348	1.214.363.612
Thanh lý trong năm	-	-	-	(205.025.790)	(205.025.790)
Số dư cuối năm	<u>2.005.565.091</u>	<u>30.070.091</u>	<u>1.951.306.997</u>	<u>2.462.995.823</u>	<u>6.449.938.002</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.559.255.611	-	2.178.260.892	1.017.579.317	4.755.095.820
Tại ngày cuối năm	<u>1.331.708.059</u>	<u>-</u>	<u>1.834.786.180</u>	<u>2.102.668.768</u>	<u>5.269.163.007</u>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.970.833.325 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	50.478.467.058	42.453.949.786
Đầu tư dài hạn khác	16.581.885.327	7.693.485.327
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	67.060.352.385	50.147.435.113
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(400.000.000)	(43.138.942)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	66.660.352.385	50.104.296.171

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị đầu tư
Tạp Chí Vietnam Logistics Review (Logistics Review)	90%	1.000.000.000
Công ty TNHH Cargo Flights Việt Nam (Cargo Flights)	45,90%	1.491.906.677
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)	51,00%	3.629.103.801
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)	48,90%	16.120.624.286
Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA Express)	40,00%	976.474.880
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	29,28%	6.928.221.514
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)	24,12%	20.332.135.900
Cộng		50.478.467.058

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị đầu tư
Công ty Liên doanh Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	9,15%	4.917.335.327
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vina Vinatrans (V truck)	9,81%	726.150.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải và Thương Mại (Vinalink)	1,22%	1.650.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng - USD (tương đương 200.000 USD)		3.786.400.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng - VND		5.502.000.000
Cộng		16.581.885.327

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.7. Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng TP. Hồ Chí Minh	4.035.190.122	177.872.922
Đặt cọc thuê văn phòng Hà Nội	256.786.240	175.000.000
Ký quỹ khác	21.364.900	3.000.000
Tổng cộng	4.313.341.262	355.872.922

5.8. Lợi thế thương mại

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	-	386.665.623
Phát sinh trong năm	350.000.000	-
Phân bổ trong năm	(350.000.000)	(386.665.623)
Số dư cuối năm	-	-

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	48.992.114.625	22.411.403.085
Người mua trả tiền trước	15.910.081.533	19.264.765.265
Tổng cộng	64.902.196.158	41.676.168.350

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	555.240.608	161.158.211
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.496.942.309	1.052.973.071
Thuế thu nhập cá nhân	1.139.676.022	131.526.970
Các loại thuế khác	153.372.423	210.740.541
Tổng cộng	13.345.231.362	1.556.398.793

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.11. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí làm hàng phải trả	2.105.574.267	199.547.515
Tiền thưởng năng suất phải trả	800.000.000	-
Khác	340.817.342	86.974.176
Tổng cộng	3.246.391.609	286.521.691

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	101.247.696	96.183.501
Cổ tức phải trả	385.513.500	696.900.000
Lợi nhuận phân phối phải trả cho Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương	360.000.000	-
Thuế nhà thầu giữ lại phải trả	1.472.325.992	909.420.938
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	378.640.000	-
Khác	455.450.375	181.804.350
Tổng cộng	3.153.177.563	1.884.308.789

5.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	3.662.276.080	3.472.545.260
Trích lập trong năm	5.232.974.198	979.788.820
Sử dụng trong năm	(5.037.112.460)	(790.058.000)
Giảm khác	(112.777.780)	-
Số dư cuối năm	3.745.360.038	3.662.276.080

5.14. Phải trả dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Nhận ký quỹ cược vận chuyển	2.981.790.000	3.543.347.500
Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	2.794.628.216	52.643.920
Khác	20.000.000	-
Tổng cộng	5.796.418.216	3.595.991.420

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	2.634.566.400	248.961.486	(167.870.000)	275.276.250	1.285.256.732	-	-	22.996.025.271	83.272.216.139
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	14.966.520.769	14.966.520.769
Tặng (giảm) do hợp nhất	-	-	264.350.536	-	634.997.394	-	125.285.154	268.004.869	(3.595.080.541)	(2.302.442.588)
Tặng do phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	395.000.000	-	-	395.000.000
Giảm khác	-	-	-	12.870.000	-	-	-	-	(6.415.166.600)	(6.402.296.600)
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	2.634.566.400	513.312.022	(155.000.000)	910.273.644	1.285.256.732	520.285.154	268.004.869	27.952.298.899	89.928.997.720
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	50.353.188.182	50.353.188.182
Tặng (giảm) do hợp nhất	-	-	510.047.676	-	538.278.596	571.697.453	17.319.691	289.630.323	(124.586.343)	1.802.387.396
Tặng do phân phối quỹ	-	-	-	-	-	623.000.000	-	-	-	623.000.000
Tặng khác	-	-	-	-	-	395.000.000	-	250.000.000	197.009.780	842.009.780
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(395.000.000)	(250.000.000)	(16.268.074.198)	(16.913.074.198)
Số dư cuối năm nay	56.000.000.000	2.634.566.400	1.023.359.698	(155.000.000)	1.448.552.240	2.874.954.185	142.604.845	557.635.192	62.109.836.320	126.636.508.880

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	6.080.000.000	10,86%	6.080.000.000	10,86%
Đối tượng khác	49.920.000.000	89,14%	49.920.000.000	89,14%
Tổng cộng	56.000.000.000	100,00%	56.000.000.000	100,00%

5.15.3. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm:	10.279.254.500	5.088.350.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 179/HĐQT/2010, ngày 17 tháng 04 năm 2010:

- Cổ tức năm 2009 được công bố là 14%.
- Cổ tức năm 2010 dự kiến được chia với tỷ lệ là 12%. Trong năm 2010, Công ty đã tạm ứng cổ tức là 10%.

5.15.4. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	15.500	15.500
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.584.500	5.584.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.15.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	50.353.188.182	14.966.520.769
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	5.584.500	5.584.500
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	9.017	2.680

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15.6. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	27.952.298.899	22.996.025.271
Chia cổ tức năm trước cho cổ đông Công ty mẹ	(4.467.600.000)	(1.116.900.000)
Chia lợi nhuận cho cổ đông thiểu số Công ty con	(360.000.000)	(400.000.000)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	50.353.188.182	14.966.520.769
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(623.000.000)	(395.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.232.974.198)	(979.788.820)
Chia cổ tức năm nay cho cổ đông Công ty mẹ	(5.584.500.000)	(3.350.700.000)
Tăng (giảm) do hợp nhất	(124.586.343)	(3.595.080.541)
Tăng khác	197.009.780	-
Giảm khác	-	(172.777.780)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	62.109.836.320	27.952.298.899

5.16. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần giá trị từ kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Công ty con được hợp nhất trên báo cáo tài chính hợp nhất là Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation), có tỷ lệ phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu là 10%.

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.137.661.389	2.131.379.105
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	3.857.545.973	366.380.984
Phản trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(391.197.420)	(49.678.882)
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	(360.000.000)	(400.000.000)
Tăng khác	114.058.265	89.580.182
Số dư cuối năm	5.358.068.207	2.137.661.389

(Phần tiếp theo ở trang 28)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu - Phòng hàng không	642.820.518.877	244.215.618.290
Doanh thu - Phòng đường biển	71.444.675.299	15.879.396.478
Doanh thu - Phòng Logistics	17.688.593.939	13.149.621.317
Doanh thu - Phòng phát triển kinh doanh	12.929.621.849	-
Doanh thu - Phòng Bình Dương	2.221.666.288	-
Doanh thu - Bảo quản hàng hóa	5.078.488.038	4.598.586.681
Doanh thu - Chi nhánh Hà Nội	14.762.448.257	9.736.517.124
Doanh thu khác	8.227.727.469	-
Doanh thu thuần	<u>775.173.740.016</u>	<u>287.579.739.890</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	25.483.117.023	15.944.908.508
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.388.268.458	2.275.149.438
Chi phí khấu hao tài sản cố định	983.495.227	756.002.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	654.815.714.898	239.103.505.255
Chi phí bằng tiền khác	24.045.875.821	13.886.313.753
Tổng cộng	<u>706.716.471.427</u>	<u>271.965.879.122</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.283.881.094	8.401.275.564
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.560.768.858	4.346.554.522
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.669.131.784	291.128.512
Tổng cộng	<u>19.513.781.736</u>	<u>13.038.958.598</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.130.204.020	6.090.317.783
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	400.000.000	43.138.942
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(43.138.942)	-
Chi phí lãi vay	15.000.000	-
Tổng cộng	12.502.065.078	6.133.456.725

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.744.282.731	3.588.154.596
Chi phí đồ dùng văn phòng	224.976.697	76.123.694
Chi phí khấu hao tài sản cố định	248.758.840	199.860.632
Thuế, phí, lệ phí	1.000.000	10.203.942
Chi phí dự phòng	1.054.060.621	234.593.563
Chi phí bằng tiền khác	7.410.638.530	4.824.205.673
Tổng cộng	14.683.717.419	8.933.142.100

7. Thông tin về các bên có liên quan

Lương Ban Tổng Giám đốc, thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

	Năm nay	Năm trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	1.048.500.000	948.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	243.953.848	139.555.558
Thù lao Ban Kiểm soát	18.490.594	7.222.222
Tổng cộng	1.310.944.442	1.094.777.780

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi và bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Tập đoàn đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất từ năm 2010 trở đi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 06 tháng 04 năm 2011.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

